

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../.../2022

Class: L3

Tel: 038 255 2594

GLOBAL STAGE 3

UNIT 6: THAT LOOKS GOOD – VOCABULARY 1

A. VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	cut up (phr.v)	cắt, thái	7	sink (n)	bồn rửa
2	fresh (adj)	tươi sống	8	stove (n)	bếp, lò nướng
3	fridge (n)	tủ lạnh	9	throw out (phr.v)	vứt, ném
4	fry (v)	rán, chiên	10	trash can (n)	thùng rác
5	grill (v)	nướng (vì)	11	mix (v)	trộn, đảo, khuấy
6	microwave (n)	lò vi sóng	12	peel (v)	bóc, lột vỏ

*Note: n (noun): danh từ ; v (verb): động từ ;

adj (adjective): tính từ ; phr.v (phrasal verb): cụm động từ

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

B. HOMEWORK

I. Find the correct word for each picture. (Điền từ đúng dưới mỗi hình)



0. microwave



1. c_____ u_____



2. s_____



3. t_____ c_____



4. p_____



5. s_____

II. Find the hidden words. (Tìm từ bí ẩn)

0. l chirp	→ <u>chirp</u>	3. mixturo	→ _____
1. grilleoa	→ _____	4. wpofluteq	→ _____
2. appeal	→ _____	5. pfrys	→ _____

III. Unscramble. (Sắp xếp chữ cái)

0. irc0Mvewa	→ <u>Microwave</u>	3. pyXloneoh	→ _____
1. erFhs	→ _____	4. eFrgid	→ _____
2. rahOstrce	→ _____	5. etSvo	→ _____

IV. Choose a suitable phrase in the box to fill in each blank. (Chọn cụm từ thích hợp trong hộp để điền vào chỗ trống)

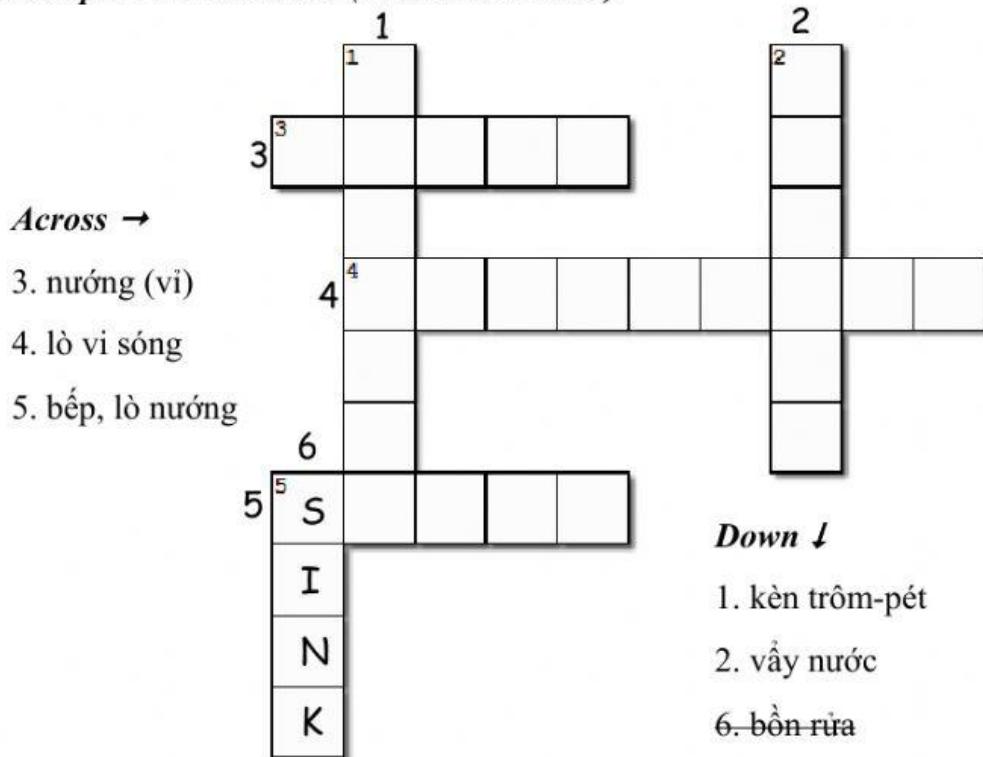
fridge	fresh	fry	trash can	cut up	peels
--------	-------	-----	-----------	--------	-------

0. We want to fry chicken for dinner.
1. He always _____ his apple before eating it.
2. There's no food in the _____!
3. You should throw the trash into the _____.
4. Is this milk _____?
5. I _____ the meat on his plate.

V. Make a sentence with each given word. (Đặt câu với từ cho sẵn)

0. (piano) → My mother can play the piano well.
1. (fridge) → _____.
2. (mix) → _____.
3. (fresh) → _____.
4. (peel) → _____.
5. (whisper) → _____.

VI. Complete the crossword. (Hoàn thành ô chữ)

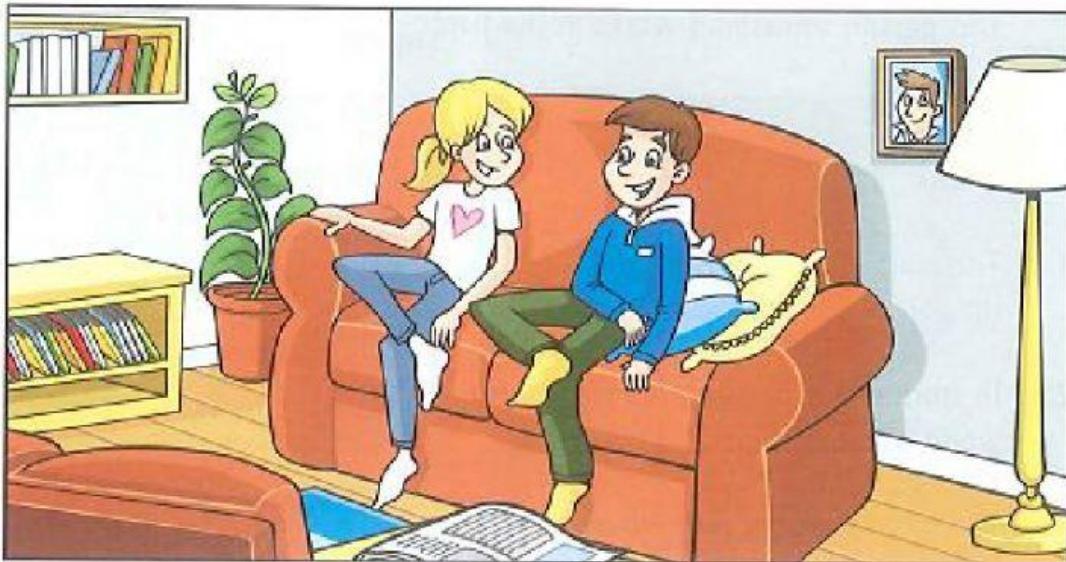


Part 2

– 6 questions –

Movers 2 – Test 2 – Part 2

Read the text and choose the best answer.



Example

Charlie:

What did you do last night, Daisy?

Daisy:

- A I watched a film.
- B I don't watch films.
- C I love watching films.

Questions

1 Charlie:

Last week, I watched a film about aliens.
Did you see it, too?

Daisy:

- A Yes, so do I!
- B Yes, it was really great!
- C Yes, it's tonight.

2 **Charlie:** Which alien did you like best in the film?

Daisy:

- A One of the aliens.
- B He was my favourite one.
- C The one with the orange eyes.

3 **Charlie:** Do you like watching funny films?

Daisy:

- A Me too.
- B They're OK.
- C You're all right.

4 **Charlie:** How about coming to my house to watch *Happy Families* on TV?

Daisy:

- A Would you like to?
- B I think you're well.
- C That's a good idea.

5 **Charlie:** Ben Brown's in the film. Do you know him?

Daisy:

- A Yes, he's got a beard.
- B Yes, he's called Ben.
- C No, he doesn't.

6 **Charlie:** Shall I get some drinks for us?

Daisy:

- A OK, and I can buy chocolate.
- B OK, it's here.
- C OK, I can help him.